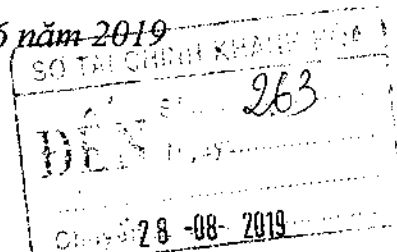


BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 37/2019/TT-BTC

Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2019



THÔNG TƯ

**Hướng dẫn về chế độ tài chính đối với chương trình,
dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị, tổ chức
chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ**

UBND. TỈNH KHÁNH HÒA	
ĐẾN	Số: <i>4182</i>
	Ngày: <i>21/8</i>
Chuyên:	

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 20/2017/QĐ-TTg ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định về hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn về chế độ tài chính đối với chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn về chế độ tài chính đối với chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ (sau đây viết tắt là chương trình, dự án TCVM).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Chương trình, dự án TCVM được thành lập và tổ chức hoạt động tại Việt Nam theo quy định tại Quyết định số 20/2017/QĐ-TTg ngày 12 tháng 6

năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định về hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ (sau đây viết tắt là Quyết định số 20/2017/QĐ-TTg) và văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Vốn của chương trình, dự án TCVM

1. Vốn của chương trình, dự án TCVM

a) Vốn thực hiện chương trình, dự án TCVM bao gồm:

- Vốn do tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ giao, cấp cho chương trình, dự án TCVM;

- Vốn góp của các tổ chức, cá nhân (nếu có);

- Vốn viện trợ, tài trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân.

b) Chênh lệch đánh giá lại tài sản là chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của tài sản với giá trị đánh giá lại tài sản khi có quyết định của Nhà nước hoặc trường hợp đánh giá khác theo quy định của pháp luật.

c) Quỹ được giao để chuẩn bị và thực hiện chương trình, dự án TCVM và các quỹ trích lập theo quy định.

d) Lợi nhuận để lại lũy kế; lỗ lũy kế chưa xử lý (nếu có).

đ) Vốn khác thuộc sở hữu hợp pháp của chương trình, dự án TCVM theo quy định của pháp luật.

2. Vốn huy động dưới các hình thức

a) Nhận tiền gửi tiết kiệm bắt buộc, tiền gửi tiết kiệm tự nguyện của khách hàng tài chính vi mô theo quy định của chương trình, dự án TCVM. Tổng mức tiền gửi tiết kiệm tự nguyện không vượt quá 30% tổng vốn được cấp của chương trình, dự án TCVM.

b) Vốn nhận ủy thác cho vay vốn của Chính phủ, của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

c) Vốn vay của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức khác theo quy định của pháp luật.

d) Tiếp nhận vốn tài trợ, viện trợ không hoàn lại, có hoàn lại của Chính phủ, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài.

3. Vốn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quản lý và sử dụng vốn, tài sản của chương trình, dự án TCVM

1. Chương trình, dự án TCVM có trách nhiệm quản lý và sử dụng vốn, tài sản của chương trình, dự án TCVM theo quy định của pháp luật và một số hướng dẫn cụ thể tại Thông tư này.

2. Theo dõi, hạch toán độc lập đối với vốn, tài sản khác của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ.

3. Chương trình, dự án TCVM thực hiện hạch toán theo quy định của Bộ Tài chính; phản ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời tình hình sử dụng, biến động của vốn và tài sản trong quá trình kinh doanh; quy định rõ trách nhiệm và hình thức xử lý đối với từng bộ phận, cá nhân trong trường hợp làm hư hỏng, mất mát tài sản, tiền vốn của chương trình, dự án TCVM.

4. Đối với những tài sản đi thuê, chương trình, dự án TCVM có trách nhiệm quản lý, bảo quản hoặc sử dụng theo thoả thuận phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Việc trích lập và sử dụng dự phòng đối với các khoản cho vay: chương trình, dự án TCVM thực hiện theo quy định đối với tổ chức tài chính vi mô.

Điều 5. Doanh thu

Doanh thu của chương trình, dự án TCVM bao gồm:

1. Thu từ lãi và các khoản thu nhập tương tự, bao gồm:

- a) Thu lãi tiền gửi tại các tổ chức tín dụng.
- b) Thu lãi cho vay của khách hàng tài chính vi mô.
- c) Thu khác từ hoạt động tín dụng theo quy định của pháp luật.

2. Thu từ hoạt động dịch vụ bao gồm:

- a) Thu từ dịch vụ nhận uỷ thác cho vay vốn.
- b) Thu từ dịch vụ tư vấn, hỗ trợ, đào tạo cho các khách hàng tài chính vi mô liên quan đến lĩnh vực hoạt động tài chính vi mô.

c) Thu từ đại lý cung cấp các sản phẩm bảo hiểm.

3. Thu từ chênh lệch tỷ giá theo quy định tại chuẩn mực kế toán và các quy định của pháp luật hiện hành.

4. Thu từ đóng góp tự nguyện, tài trợ hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước được hạch toán vào thu nhập theo quy định của pháp luật.

5. Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật, bao gồm:

a) Thu hoàn nhập dự phòng.

b) Thu từ các khoản nợ đã được xử lý bằng dự phòng rủi ro, các khoản nợ đã xóa, các khoản nợ đã mất chủ nợ hoặc không xác định được chủ nợ nay thu hồi được.

c) Thu từ tiền phạt khách hàng, tiền khách hàng bồi thường do vi phạm hợp đồng.

d) Thu do bảo hiểm bồi thường sau khi đã bù đắp khoản tổn thất đã mua bảo hiểm.

đ) Thu từ thanh lý tài sản.

e) Thu khác.

Điều 6. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

1. Việc ghi nhận và hạch toán doanh thu, thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp được thực hiện phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Đối với thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự

a) Thu lãi từ hoạt động cho vay vi mô: chương trình, dự án TCVM hạch toán số lãi phải thu phát sinh trong kỳ vào thu nhập đối với các khoản cho vay trong hạn. Đối với số lãi phải thu của các khoản cho vay quá hạn, chương trình, dự án TCVM không phải hạch toán thu nhập mà theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu, khi thu được thì hạch toán vào thu nhập.

b) Thu lãi tiền gửi: là số lãi phải thu từ tiền gửi của chương trình, dự án TCVM tại các tổ chức tín dụng trong kỳ.

3. Thu từ nhận tài trợ không hoàn lại để thực hiện các chương trình phát triển, các hoạt động của chương trình, dự án TCVM ngoài các khoản thu hộ, chi hộ: là số tiền thực tế thu được tại thời điểm nhận tài trợ.

4. Đối với các khoản thu về chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại ngoại tệ và vàng: chương trình, dự án TCVM thực hiện ghi nhận theo quy định tại chuẩn mực kế toán và các quy định pháp luật có liên quan.

5. Đối với doanh thu từ các hoạt động còn lại: doanh thu là toàn bộ tiền bán sản phẩm, hàng hoá, cung ứng dịch vụ phát sinh trong kỳ được khách hàng chấp nhận thanh toán (nếu có chứng từ hợp lệ) không phân biệt đã thu hay chưa thu được tiền.

6. Đối với các khoản doanh thu phải thu đã hạch toán vào thu nhập nhưng được đánh giá không thu được hoặc đến kỳ hạn thu không thu được thì chương trình, dự án TCVM hạch toán giảm doanh thu nếu cùng kỳ kế toán hoặc hạch toán vào chi phí nếu khác kỳ kế toán và theo dõi ngoại bảng để đơn đốc thu. Khi thu được thì hạch toán vào thu nhập.

Điều 7. Chi phí

Chi phí của chương trình, dự án TCVM bao gồm các khoản chi cụ thể như sau:

1. Chi phí trả lãi và các khoản chi phí tương tự

- a) Chi trả lãi tiền gửi tiết kiệm bắt buộc.
- b) Chi trả lãi tiền gửi tiết kiệm tự nguyện.
- c) Chi trả lãi tiền vay.
- d) Chi khác cho hoạt động tín dụng.

2. Chi phí hoạt động dịch vụ

- a) Chi dịch vụ viễn thông.
- b) Chi trả phí uỷ thác cho vay vốn.
- c) Chi cho dịch vụ tư vấn tài chính liên quan đến lĩnh vực hoạt động tài chính vi mô.
- d) Chi hoa hồng cho đại lý, môi giới, uỷ thác đối với các hoạt động đại lý môi giới, uỷ thác được pháp luật cho phép. Trong đó, đối với chi hoa hồng môi giới thực hiện theo quy định sau:

- Chương trình, dự án TCVM được chi hoa hồng môi giới đối với hoạt động môi giới được pháp luật cho phép;

- Hoa hồng môi giới để chi cho bên thứ ba (làm trung gian), không được áp dụng cho các đối tượng là đại lý của chương trình, dự án TCVM; các chức danh quản lý, nhân viên của chương trình, dự án TCVM;

- Việc chi hoa hồng môi giới phải căn cứ vào hợp đồng hoặc giấy xác nhận giữa chương trình, dự án TCVM và bên nhận hoa hồng môi giới, trong đó phải có các nội dung cơ bản: tên của bên nhận hoa hồng; nội dung chi; mức chi; phương thức thanh toán; thời gian thực hiện và kết thúc; trách nhiệm của các bên;

- Đối với khoản chi môi giới để cho thuê tài sản (bao gồm cả tài sản xiết nợ, gán nợ (nếu có)): mức chi môi giới để cho thuê mỗi tài sản của chương trình, dự án TCVM tối đa không quá 5% tổng số tiền thu được từ hoạt động cho thuê tài sản đó do môi giới mang lại trong năm;

- Đối với khoản chi môi giới bán tài sản thế chấp, cầm cố: mức chi hoa hồng môi giới bán mỗi tài sản thế chấp, cầm cố của chương trình, dự án TCVM không vượt quá 1% giá trị thực tế thu được từ tiền bán tài sản đó qua môi giới;

- Chương trình, dự án TCVM xây dựng quy chế chi hoa hồng môi giới áp dụng thống nhất và công khai trong đơn vị.

đ) Chi cho hoạt động làm đại lý cung ứng dịch vụ bảo hiểm.

3. Chi chênh lệch tỷ giá theo quy định tại chuẩn mực kế toán và các quy định của pháp luật hiện hành.

4. Chi đóng góp, trả phí hỗ trợ hoạt động, quản lý, đào tạo cho tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ.

5. Chi tài trợ cho các chương trình, các đề án, tổ chức, cá nhân hoạt động để hỗ trợ cộng đồng phù hợp với tôn chỉ, mục đích của chương trình, dự án TCVM.

6. Chi nộp các khoản thuế, phí và lệ phí theo quy định của pháp luật.

7. Chi cho cán bộ, nhân viên theo quy định của pháp luật, bao gồm các khoản:

a) Chi tiền lương, tiền công và các khoản có tính chất lương, bao gồm:

- Chi phí tiền lương cho thành viên chuyên trách Ban quản lý, Ban chỉ đạo, Giám đốc, Ban kiểm soát, chi thù lao cho các thành viên;

- Chi phí tiền lương và các khoản phụ cấp trả cho cán bộ nhân viên của chương trình, dự án TCVM căn cứ theo hợp đồng lao động hoặc thỏa ước lao động tập thể.

b) Chi các khoản đóng góp theo lương: chi nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn.

c) Chi trả trợ cấp mất việc làm cho người lao động theo quy định của pháp luật lao động.

d) Chi trả phụ cấp đối với các trường hợp người quản lý, người lao động được tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ cử sang làm việc kiêm nhiệm tại chương trình, dự án TCVM.

đ) Chi mua bảo hiểm tai nạn con người.

e) Chi bảo hộ lao động đối với những đối tượng cần trang bị bảo hộ lao động trong khi làm việc.

g) Chi trang phục giao dịch cho cán bộ nhân viên làm việc trong chương trình, dự án TCVM theo chế độ quy định.

h) Chi ăn ca.

i) Chi y tế bao gồm các khoản chi khám bệnh định kỳ cho người lao động, chi mua thuốc dự phòng và các khoản chi y tế khác theo quy định của pháp luật.

k) Các khoản chi khác cho người lao động theo quy định của pháp luật:

- Chi theo chế độ quy định đối với lao động nữ;

- Chi tiền nghỉ phép hàng năm theo quy định của pháp luật;

- Khoản chi có tính chất phúc lợi chi trực tiếp cho người lao động theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp;

- Các khoản chi khác.

8. Chi cho hoạt động quản lý, công vụ

a) Chi vật liệu, giấy tờ in.

b) Chi công tác phí, xăng dầu.

c) Chi huấn luyện, đào tạo tăng cường năng lực cho cán bộ, nhân viên; bao gồm cả chi đào tạo công tác viên và khách hàng thuộc phạm vi hoạt động tài chính vi mô.

d) Chi bưu phí và điện thoại.

đ) Chi công tác tuyên truyền, quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại.

e) Chi mua tài liệu, sách báo.

g) Chi trả tiền điện, tiền nước, vệ sinh văn phòng.

h) Chi hội nghị, lễ tân, khánh tiết, giao dịch đối ngoại.

i) Chi thuê tư vấn, chi thuê chuyên gia trong và ngoài nước.

k) Chi kiểm toán.

l) Chi khác:

- Chi bảo vệ cơ quan, chi phòng cháy chữa cháy, chi an ninh, quốc phòng;

- Chi công tác bảo vệ môi trường: Nếu số chi trong năm lớn và có hiệu quả trong nhiều năm thì được phân bổ cho các năm sau theo nguyên tắc thời gian phân bổ không vượt quá số năm thu nhận được hiệu quả từ khoản chi công tác bảo vệ môi trường và việc phân bổ không dẫn đến kết quả hoạt động tài chính của năm được phân bổ bị lỗ;

- Chi khác theo quy định của pháp luật.

9. Chi cho tài sản:

a) Chi khấu hao tài sản cố định sử dụng cho hoạt động kinh doanh thực hiện theo chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định đối với doanh nghiệp.

b) Chi bảo dưỡng, sửa chữa tài sản cố định.

c) Chi mua sắm, sửa chữa công cụ, dụng cụ.

d) Chi bảo hiểm tài sản.

đ) Chi khác về tài sản theo quy định của pháp luật.

10. Chi trích lập dự phòng theo quy định tại khoản 5, Điều 4, Thông tư này.

11. Chi thuê tài sản bên ngoài.

12. Chi khác

a) Chi đóng phí hiệp hội ngành nghề mà chương trình, dự án TCVM tham gia theo mức phí do các hiệp hội này quy định.

b) Chi cho công tác đảng, đoàn thể tại chương trình, dự án TCVM (phần chi ngoài kinh phí của tổ chức đảng, đoàn thể được chi từ nguồn quy định).

c) Chi nhượng bán, thanh lý tài sản (nếu có) bao gồm cả giá trị còn lại của tài sản cố định được thanh lý, nhượng bán.

d) Chi cho việc thu hồi các khoản nợ đã xóa, chi phí thu hồi nợ xấu là các khoản chi cho việc thu hồi nợ bao gồm cả chi trả phí dịch vụ thu hồi nợ cho các tổ chức được phép thực hiện dịch vụ thu hồi nợ theo quy định của pháp luật, chi phí để thực hiện mua bán nợ.

đ) Chi xử lý khoản tổn thất tài sản còn lại: chương trình, dự án TCVM hạch toán vào chi phí giá trị tổn thất còn lại sau khi đã bù đắp bằng tiền bồi thường của cá nhân, tập thể, tổ chức bảo hiểm; sử dụng dự phòng được trích lập trong chi phí.

e) Chi các khoản đã hạch toán doanh thu nhưng thực tế không thu được.

g) Chi công tác xã hội theo quy định của pháp luật.

h) Chi nộp phạt vi phạm hành chính trừ các khoản nộp phạt mà cá nhân phải nộp theo quy định của pháp luật.

i) Chi khác:

- Chi các khoản nợ phải trả, đã xác định mất chủ nợ và hạch toán vào thu nhập nhưng sau đó lại xác định được chủ nợ;

- Chi trả tiền phạt, bồi thường do vi phạm hợp đồng kinh tế thuộc trách nhiệm của chương trình, dự án TCVM;

- Chi án phí, lệ phí thi hành án thuộc trách nhiệm của chương trình, dự án TCVM;

- Chi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

1. Việc xác định chi phí khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Chi phí của chương trình, dự án TCVM là các khoản chi phí phải chi thực tế phát sinh trong kỳ liên quan đến hoạt động kinh doanh của chương trình, dự án TCVM.

3. Các chi phí được ghi nhận vào chi phí kinh doanh của chương trình, dự án TCVM phải tuân thủ nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí và có đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật. Chương trình, dự án TCVM không được hạch toán vào chi phí các khoản chi do nguồn kinh phí khác

đài thọ. Việc xác định và hạch toán chi phí được thực hiện phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 9. Chính sách thuế, phí, lệ phí

Chương trình, dự án TCVM thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế, phí, lệ phí.

Điều 10. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận còn lại của chương trình, dự án TCVM sau khi thực hiện bù đắp lỗ năm trước (nếu có) và thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật do chương trình, dự án TCVM quyết định nhưng phải bảo đảm nguyên tắc không được chia hoặc sử dụng cho các hoạt động không phải là hoạt động tài chính vi mô dưới bất kỳ hình thức nào.

Điều 11. Trách nhiệm của cơ quan quản lý và chương trình, dự án TCVM

1. Bộ Tài chính ban hành và giải đáp các vướng mắc về chế độ tài chính, hạch toán kế toán, báo cáo tài chính cho chương trình, dự án TCVM.

2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì giám sát thực hiện việc thực hiện chế độ tài chính của chương trình, dự án TCVM; định kỳ hằng năm gửi báo cáo thông báo cho Bộ Tài chính về tình hình tài chính của chương trình, dự án TCVM và các vi phạm về chế độ tài chính của chương trình, dự án TCVM được phát hiện trong quá trình kiểm tra, thanh tra, giám sát (nếu có). Ngân hàng Nhà nước Việt Nam gửi Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 3 năm sau.

3. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ

a) Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ có chương trình, dự án TCVM thực hiện các trách nhiệm quy định tại Điều 20 Quyết định số 20/2017/QĐ-TTg.

b) Thực hiện báo cáo theo quy định tại Điều 14 Quyết định số 20/2017/QĐ-TTg và quy định của pháp luật có liên quan, chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính trung thực của các báo cáo này.

4. Chương trình, dự án TCVM

a) Thực hiện chế độ tài chính theo quy định của Quyết định số 20/2017/QĐ-TTg; các nội dung hướng dẫn cụ thể tại Thông tư này và các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tài chính khác có liên quan.

b) Thực hiện chế độ báo cáo và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, kịp thời, chính xác của số liệu báo cáo theo quy định tại Quyết định số 20/2017/QĐ-TTg và hướng dẫn tại Thông tư này.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 09 tháng 8 năm 2019.
2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, xem xét, giải quyết. / *HL*

Nơi nhận: ✓

- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Ban chỉ đạo Trung ương về phòng chống tham nhũng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- UBND, Chi nhánh Ngân hàng nhà nước, Cục Thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ;
- Lưu: VT, Vụ TCNH (250b).

KT. BỘ TRƯỞNG
TÀI CHÍNH



HL

Huỳnh Quang Hải

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

Số: 202 /SY-UBND

Nơi nhận:

- Sở: Ngoại vụ, Nội vụ, TC, Y tế, LĐT&XH, GD&ĐT;
- Ban Dân vận Tỉnh ủy;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;
- Lưu: VT.

SAO Y BẢN CHÍNH

Khánh Hòa, ngày 23 tháng 8 năm 2019

**TL. CHỦ TỊCH
CHÁNH VĂN PHÒNG**



Huỳnh Ngọc Bông